

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh định mức hỗ trợ xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàythángnăm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh định mức hỗ trợ xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định trong Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BCTT-KTNS ngàytháng.....năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh định mức hỗ trợ xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh định mức hỗ trợ xi măng bê tông hóa giao thông nông thôn tại điểm a khoản 4 mục III:

** Ngân sách tỉnh:*

- Hỗ trợ toàn bộ xi măng đến công trình để xây dựng đường giao thông nông thôn, với định mức:

TT	Loại đường	Thông số kỹ thuật				Định mức hỗ trợ Xi măng/1Km (T)
		B _n (m)	B _m (m)	dày (cm)	Mác BTXM đá 2x4	
1	A	6,5	3,5	20	250	199

TT	Loại đường	Thông số kỹ thuật				Định mức hỗ trợ Xi măng/1Km (T)
		B _n (m)	B _m (m)	dày (cm)	Mác BTXM đá 2x4	
2	B	5,0	3,0	18	250	154
3	C	4,0	2,5	16	200	98
4	D	4,0	2,0	16	200	79

2. Điều chỉnh định mức hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng tại điểm b khoản 4 mục III:

* *Đối với ngân sách tỉnh:* Hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng đến chân công trình để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường huyện, đường xã và sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại đạt quy mô loại A, B, cụ thể như sau:

- Đối với các tuyến đường huyện: Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường huyện đạt bề rộng mặt đường B_m=5,5m, chiều dày 22cm, mác bê tông đạt 300 daN/cm², đá 2x4.

+ Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 390 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (B_m cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 178 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (B_m cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 142 tấn/1km đường.

- Đối với các tuyến đường xã (đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trực chính xã): Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường xã đạt bề rộng mặt đường tối đa B_m=5,5m, chiều dày 20cm, mác bê tông đạt 300 daN/cm², đá 2x4.

+ Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 355 tấn xi măng/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (B_m cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 162 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (B_m cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 129 tấn/1km đường.

- Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại:

+ Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại A, bề rộng mặt đường B_m=3,5m bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm², đá 2x4, chiều dày 20cm; định mức xi măng sử dụng 199 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại B, bề rộng mặt đường B_m=3,0m bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm², đá 2x4, chiều dày 18cm; định mức xi măng sử dụng 154 tấn/1km đường.

(Định mức xi măng nêu trên là tối đa cho 1Km đường tính theo thực tế từng đoạn tuyến trên tuyến đường bị hư hỏng, khối lượng cụ thể cho từng tuyến đường theo hồ sơ thiết kế của từng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

3. Điều chỉnh Dự kiến khối lượng thực hiện, lượng xi măng và giá trị hỗ

trợ tại khoản 5 mục III:**a) Bê tông hoá giao thông nông thôn:**

TT	Loại đường	Quy mô đầu tư	Số Km đường	Khối lượng XM hỗ trợ (Tấn)
1	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện	A	32,182	6.558
2	Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	B	208,561	33.204
3	Đường ngõ, xóm	C	875,069	86.405
4	Đường trục chính nội đồng	D	1018,628	80.685
Tổng cộng			2.134,440	206.852

b) Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng:

TT	Loại đường	Tổng số Km đường cần được sửa chữa, mở rộng, giai đoạn 2021 - 2025 (Km)	Khối lượng XM hỗ trợ (Tấn)
1	Sửa chữa kết hợp mở rộng đường huyện, đường xã đạt bề rộng mặt đường 5,5m	77,60	30.348
2	Mở rộng đường huyện, đường xã đạt bề rộng mặt đường 5,5m	200,60	71.556
3	Sửa chữa đường giao thông nông thôn loại A	89,30	17.968
4	Sửa chữa đường giao thông nông thôn loại B	393,60	60.764
Tổng cộng		761,10	181.618

4. Điều chỉnh Tổng nguồn kinh phí tính hỗ trợ tại khoản 6 mục III:

- Kinh phí tính hỗ trợ Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 là **302,090 tỷ đồng**.

- Kinh phí tính hỗ trợ sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng là **242,710 tỷ đồng**.

Tổng kinh phí tính hỗ trợ là **544,8 tỷ đồng** (bình quân, mỗi năm kinh phí tính hỗ trợ là **108,96 tỷ đồng**).

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Trường hợp, định mức xây dựng mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành có điều chỉnh giảm so với định mức hỗ trợ xi măng của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định tổ chức cập nhật, điều chỉnh giảm định mức hỗ trợ xi măng của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo đúng định mức xây dựng mới ban hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng năm.....; có hiệu lực kể từ ngày ...thángnăm/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ TC, Bộ GTVT;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đ ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VP, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH